

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 68/2021/HS-PT
Ngày 19 - 11 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các Thẩm phán:

Ông Châu Văn Mỹ

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Tuấn Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thục Trinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thị Kim P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: **LÊ THỊ KIM P**, sinh năm 1980 tại Giá Rai, Bạc Liêu. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Ấp K.B, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Công chức văn phòng – thống kê thuộc Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1949; có chồng tên Trần Minh H, sinh năm 1982 và 01 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh Hiệp – Là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn H.T.P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Phòng 1901, Lầu 19 tòa nhà Saigon Trade Center, Số 37, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Ngoài ra còn có bị hại là ông Lê Ngọc K, sinh năm 1970 và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/11/2019, bà Hồng Thúy N có làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại ấp I, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho ông Lê Ngọc K với giá 600.000.000 đồng. Sau khi đối trừ các khoản thì ông K phải trả cho bà N 350.000.000 đồng, sau đó ông K trả trước cho bà N số tiền 320.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng hẹn sau khi làm thủ tục sang tên xong ông K trả đủ. Do ông K bận công việc kinh doanh không trực tiếp làm thủ tục sang tên nên có nhờ ông Lê Quốc Th (là em ruột ông K) mang hồ sơ đến Phòng một cửa của Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để làm thủ tục sang tên cho ông K. Sau khi nộp hồ sơ, bộ phận kiểm tra hồ sơ có hướng dẫn ông Th mang hồ sơ về Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, thị xã Giá Rai điều chỉnh từ đất ở nông thôn sang đất ở đô thị, do trước đây giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hồng Thúy N thời điểm đó là huyện Giá Rai, nay được nâng lên thị xã Giá Rai nên phải điều chỉnh lại. Sau khi mang hồ sơ về thì ông Th nhờ ông Trần Minh T (là đồng nghiệp làm chung cơ quan) ngụ ấp N.A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu mang hồ sơ đến Ủy ban nhân dân xã Tân Phong làm thủ tục điều chỉnh giúp ông K.

Sáng ngày 14/11/2019, ông T đến bộ phận 01 cửa của Ủy ban nhân dân xã Tân Phong nộp hồ sơ ông Th nhờ vào bộ phận địa chính, bộ phận địa chính đã chuyển hồ sơ cho Lê Thị Kim P, là công chức Văn phòng – Thống kê của Ủy ban nhân dân xã Tân Phong có nhiệm vụ trực tiếp quản lý lai và thu các loại phí, lệ phí tại bộ phận một cửa của xã Tân Phong kiểm tra hồ sơ. Sau khi kiểm tra hồ sơ, Lê Thị Kim P thông báo với ông T phần đất ông T đăng ký biến động hiện tại còn thiếu tiền thuế phi nông nghiệp, số tiền là 25.000.000 đồng, người nợ tiền thuế là bà Hồng Thúy N đứng tên phần đất chuyển nhượng cho ông K nên không thể đăng ký được. Nếu muốn đăng ký biến động thì phải nộp tiền thuế 25.000.000 đồng.

Sau đó, ông T gọi điện thoại di động cho ông Th và ông K thông báo nội dung bà N còn nợ tiền thuế phải nộp là 25.000.000 đồng thì ông K đồng ý nhờ ông T nộp giúp ông K. Đến khoảng 15 giờ ngày 14/11/2019, ông T đến gặp trực tiếp P tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã Tân Phong nộp số tiền 25.000.000 đồng thì P xuất biên lai số 0017393 (Liên 2) thu phí, lệ phí “Phi nông nghiệp” số tiền 25.000.000 đồng, tên người nộp là Hồng Thúy N, địa chỉ ấp I, xã T nhưng không ghi ngày, tháng, chỉ ghi năm 2019 và ký tên người thu tiền, không ghi họ và tên rồi đưa biên lai này cho ông T cùng hồ sơ. Cùng ngày, sau khi nhận được hồ sơ thì ông T gọi điện thoại di động cho ông Khôi đến Ủy ban nhân dân xã Tân Phong để bàn giao toàn bộ hồ sơ cùng biên lai thu tiền cho ông K, đồng thời ông K có trả lại cho ông T số tiền 25.000.000 đồng, sau đó ông K đến phòng một cửa Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đăng ký sang tên.

Trong khoảng thời gian Lê Thị Kim P nhận số tiền 25.000.000 đồng từ ông T giúp ông K nộp tiền phí, lệ phí phi nông nghiệp cho bà Hồng Thúy N vào ngày 14/11/2019 thì P không nói cho bà N biết về việc thu số tiền này.

Đến ngày 10/02/2020, bà Hồng Thúy N điện thoại yêu cầu ông K trả số tiền 30.000.000 đồng thì ông K thông báo ông đã nộp thuế “Phi nông nghiệp” cho bà N số tiền 25.000.000 đồng để hoàn chỉnh hồ sơ làm thủ tục sang tên thửa đất. Do cho rằng phần đất mình chuyển nhượng cho ông Khôi không nợ thuế nên bà N yêu cầu ông K gửi biên lai thu tiền thuế cho bà N thì ông K lấy điện thoại chụp hình biên lai số 0017393 (Liên 2) gửi qua Zalo cho bà N. Sau khi xem hình ảnh ông K gửi, bà N trực tiếp điện thoại di động cho Lê Thị Kim P hỏi việc ông K đóng số tiền 25.000.000 đồng là đúng hay sai, đóng tiền gì thì P trả lời cho bà N biết là tiền thuế đất.

Đến ngày 13/02/2020, bà N nhờ anh Võ Quốc Tr, là người làm thuê cho bà N đến xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau gặp ông K lấy biên lai thu tiền về. Sau đó, sự việc được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong kiểm tra lại việc thu tiền thuế đất của bà Hồng Thúy N thì phát hiện giữa Liên 1 và Liên 2 biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393 có nội dung và số tiền khác nhau, cụ thể:

- Liên 1 số 0017393 ký hiệu 19AG-17P lưu tại tổ chức thu Ủy ban nhân dân xã Tân Phong thể hiện: Biên lai thu phí, lệ phí: KS, tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Trần Văn Đ, địa chỉ Tân Phong, số tiền 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng), ghi ngày 15/11/2019, có chữ ký người thu tiền (không ghi họ và tên), ghi bằng mực bút bi.

- Liên 2 số 0017393 ký hiệu 19AG-17P giao người nộp tiền, thể hiện: Biên lai thu phí, lệ phí: Phi nông nghiệp, tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Hồng Thúy N, địa chỉ ấp 1, xã Tân Phong, số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), không ghi ngày, tháng, năm 2019, có chữ ký người thu tiền (không ghi họ và tên), ghi bằng mực bút bi.

Ngày 14/02/2020, Ủy ban nhân dân xã Tân Phong đã kiểm tra và phát hiện sự việc Lê Thị Kim P đã thực hiện việc xuất biên lai thu phí, lệ phí không đúng quy định, nên Ủy ban nhân dân xã Tân Phong có văn bản gửi cho Công an xã Tân Phong để xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

Đến tối ngày 16/02/2020, Lê Thị Kim P trực tiếp đến gặp và trả lại cho bà Ngân số tiền 25.000.000 đồng tiền thu phí, lệ phí phi nông nghiệp, xin bà Ngân cho nhận lại Liên 2 biên lai thu phí, lệ phí số 0017393 và được bà Ngân đồng ý đưa lại Liên 2 cho P.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Giá Rai yêu cầu Lê Thị Kim P nộp lại Liên 2, số 0017393 ký hiệu 19AG-17P, Biên lai thu tiền phí, lệ phí “Phi nông nghiệp”, tên người nộp: Hồng Thúy N mà P đã nhận lại từ bà N, nhưng P không giao nộp với lý do bị thất lạc không tìm thấy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim P phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim P 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo Lê Thị Kim P đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2021 bị cáo Lê Thị Kim P kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nội dung kháng cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Việc bị cáo P ra biên lai số 0017393 (Liên 2) tuy có vi phạm trong việc quản lý và ra lai thu nhưng nội dung chỉ thể hiện bị cáo đã nhận số tiền 25.000.000 đồng mà bà N còn nợ, do ông K trả nợ thay. Tại bút lục 327 có nội dung viết tay: “Ngân + Hùng có nhận thêm số tiền mặt 350.000.0000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)... Kể từ hôm nay Ngân và Hùng không còn nợ tiền A. Khôi nữa”. Nội dung này được viết ngày 14/11/2019, bút lục này là bản phô tô do bị cáo P nộp cho cơ quan điều tra, bị cáo không có bản chính nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bà N và ông K đều thừa nhận nội dung này. Điều này thể hiện ngày 14/11/2019 ông K chỉ đưa tiền mặt cho bà N 320.000.000 đồng nhưng có việc ông K trả nợ thay cho bà N bằng việc nhờ ông T đưa cho P 30.000.000 đồng nên bà N đã viết giấy nhận đủ số tiền nhận chuyển nhượng đất ông K là 350.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, bà N cũng không phủ nhận chữ kí tại biên nhận lập gần tết âm lịch năm 2020 là của bà N, biên nhận thể hiện nội dung bị cáo đã nhận 25.000.000 đồng do ông K trả nợ thay cho bà N. Từ đó, có cơ sở xác định bị cáo không có tội vì bị cáo không chiếm đoạt tài sản của ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định biên bản chốt nợ (không ghi ngày tháng năm) giữa bị cáo và bà Hồng Thúy N mà bị cáo đã nộp ngày 17/3/2021 cho Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai được lập ra vào tháng 02/2020

(không nhớ rõ ngày, chỉ nhớ gần tết âm lịch năm 2020) theo đó bà N đã xác nhận việc bị cáo đã nhận 25.000.000 đồng do ông K trả nợ thay cho bà N và thực tế bị cáo không có hành vi lừa dối để chiếm đoạt tài sản. Từ đó, có cơ sở xác định việc bị cáo bị oan, không phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị Kim P đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị Kim P xác định việc bị cáo nhận số tiền 30.000.000 đồng là do ông K trả nợ thay cho bà Ngân 25.000.000 đồng nhưng ông T lại đưa dư 5.000.000 đồng và việc bị cáo viết biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0017393, Liên 2 đưa cho ông T để chứng minh đã nhận tiền bà N trả nợ, không nhằm mục đích thu thuế phi nông nghiệp, nên việc truy tố xét xử bị cáo phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là oan cho bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Thị Kim P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Liên 2 của biên lai thu số 0017393 thể hiện nội dung “tên loại phí, lệ phí: phi nông nghiệp. Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: Hồng Thúy Ngân. Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Phong. Số tiền 25.000.000đ (viết bằng chữ) Hai mươi lăm triệu đồng. Hình thức thanh toán: TM”. Bị cáo thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Liên 2 của biên lai thu nêu trên là của bị cáo. Các lời khai của bị cáo P từ ngày 03/3/2020 đến trước ngày 28/7/2020 đều thừa nhận bị cáo đưa Liên 2 cho ông T và nhận số tiền 25.000.000 đồng, không phải nhận 30.000.000 đồng như bị cáo đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Điều này phù hợp với lời khai của ông T, bà N và ông K về việc bị cáo đưa ra thông tin gian dối là bà Hồng Thúy N còn nợ thuế phi nông nghiệp số tiền 25.000.000 đồng để ông Trần Minh T (nộp thay cho ông Lê Ngọc K) số tiền thuế đất phi nông nghiệp 25.000.000 đồng. Thực tế, bà Hồng Thúy N không nợ thuế phi nông nghiệp, bản thân bị cáo P không có thẩm quyền thu thuế phi nông nghiệp và bị cáo chính là người đã lập phiếu thu số 0017393, trực tiếp nhận 25.000.000 đồng từ ông T.

Đối với biên nhận không ghi ngày tháng, theo bị cáo xác định được lập ra vào tháng 02/2020 đồng nghĩa với việc biên nhận này được lập ra sau ngày bị cáo nhận số tiền 25.000.000đ từ ông T khoảng 02 tháng. Và bị cáo không có chứng cứ gì chứng minh việc bà N đã đồng ý để bị cáo đòi nợ thay cho bà N; bà N đồng ý để bị cáo nhận số tiền ông K (ông T nộp thay) để cản trừ vào số tiền bà N nợ gia đình bị cáo.

Từ đó, có căn cứ xác định án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Kim P phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật, không xét xử oan cho bị cáo như bị cáo đã xác định.

[2.3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối về việc thu số tiền 25.000.000 đồng trong lĩnh vực thuế không phải do mình phụ trách, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của Cơ quan Nhà nước nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo. Khi quyết định hình phạt, án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Về hình phạt bổ sung: Cấp sơ thẩm cấm bị cáo Lê Thị Kim P đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng không nêu rõ cấm đảm nhiệm chức vụ gì, phạm vi cấm quá rộng, là thiếu sót của cấp sơ thẩm. Do đó, trên cơ sở nguyên tắc có lợi cho bị cáo cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp, cụ thể cấm bị cáo Lê Thị Kim P đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Như đã phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Thị Kim P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kim P phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim P 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo Lê Thị Kim P đảm nhiệm chức vụ thủ quỹ trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ

ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

6. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Kim P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND TX. Giá Rai (01 bản);
- TAND TX. Giá Rai (02 bản);
- CQĐT TX. Giá Rai (01 bản);
- Chi cục THADS TX. Giá Rai (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương